

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/06/2020
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm.

2. Ông Kim Khánh Tùng.

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 11/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị H, sinh năm 1991.

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã T1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: Bản C, xã T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản N, xã T1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/02/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Vì Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/07/2009. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 09/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Q còn đánh tôi tới 3 đến 4 lần, sưng tím mặt mũi, tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở; hai bên gia đình đã

hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng, khi về nhà bố mẹ đẻ ở anh Q đã về nhà bố mẹ đẻ tôi ở cùng tôi, sau đó anh Q lại đánh tôi tại nhà bố mẹ tôi, sau lần đó anh Q tự bỏ về nhà chung của vợ chồng tôi ở, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân không đi lại và quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm giữa tôi và anh Q không còn sống với nhau không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/5/2010 và cháu Lò Thị Thanh T, sinh ngày 25/10/2012. Nguyên vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản riêng; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Q (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô H kết hôn có đăng ký tại UBND xã T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/7/2009. Kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 9/2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ tôi đi làm ở nhà hàng dân tộc quán đến 11 – 12 giờ đêm mới về, tôi gọi điện còn không nghe máy, dẫn đến mâu thuẫn gia đình xảy ra cãi vã, vợ tôi toàn chửi xúc phạm đến bố mẹ, họ hàng nhà tôi. Vì thế vợ tôi mới làm đơn ra Tòa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng tôi không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/5/2010 và cháu Lò Thị Thanh T, sinh ngày 25/10/2012. Nguyên vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị Yến C và giao cháu Lò Thị Thanh T cho cô H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Vi Thị H và anh Lò Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, chị H thì cho rằng anh Q đánh chị H 3 đến 4 lần dẫn đến sưng tím mắt, nhưng anh Q không thừa nhận; Xuất phát từ việc mâu thuẫn trên dẫn đến hai người đã sống ly thân, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn, anh cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã mở 02 phiên hòa giải để phân tích, hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị H và anh Q nhưng không có kết quả, chị H một mực cương quyết xin ly hôn, vì tình cảm giữa chị và anh Q không còn nữa. Ngoài ra theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q chính quyền địa phương cũng đã xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa hai người cũng đã có mâu thuẫn xảy ra. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh Q đã sống ly thân được 05 tháng, trong thời gian ly thân đã không còn quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] . Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/5/2010 và cháu Lò Thị Thanh T, sinh ngày 25/10/2012. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung cho đến khi trưởng thành, anh Q có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lò Thị Yến C cho đến khi trưởng thành và để cho cô H nuôi cháu Lò Thị Thanh T. Vì lý do cả hai cháu đều đã trên 07 tuổi nên Tòa án đã triệu tập hai cháu để hỏi nguyện vọng của các cháu, cháu Lò Thị Yến C có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Lò Thị Thanh T có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị H hiện đang làm thuê tại nhà hàng dân tộc quán lương 7.000.000đ/ tháng, anh Q hiện đang đi làm thợ xây lương 5.000.000đ/ tháng, xét về điều kiện của cả hai đều có đủ khả năng để nuôi hai con chung. Do vậy nguyện vọng của chị H, anh Q, cháu Chi, cháu Trúc là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của các đương sự. Giao cháu Trúc cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động ; Giáo cháu Chi cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh Q đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vì Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2016/0003354 ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vì Thị H được ly hôn với anh Lò Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/5/2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Giao cháu Lò Thị Thanh T, sinh ngày 25/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vì Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm,

chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003354 ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/6/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã T2, tp Điện Biên Phủ.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Vũ Thị Thanh Thủy

Lò Văn Thương

